

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung tại Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2019 kèm theo Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp kinh phí mua vắc xin LMLM năm 2019 vụ Xuân hè năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-BNN-TY ngày 17/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2016-2020”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 309/TTr-SNN, ngày 21 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, điều chỉnh một số nội dung tại Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2019 kèm theo Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh, nội dung sửa đổi:

1. Sửa đổi Phụ lục số 06 số lượng gia súc và vắc xin tiêm phòng theo chương trình quốc gia phòng chống bệnh LMLM năm 2019 bằng Phụ lục 06a (có Phụ lục 06a kèm theo).

2. Sửa đổi Phụ lục số 08 Tổng hợp kinh phí triển khai tiêm phòng, lấy mẫu, phun khử trùng tiêu độc các chương trình năm 2019 bằng Phụ lục 08a (có Phụ lục 08a kèm theo).

3. Tại mục 6 phần III của Kế hoạch kèm theo Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh đã ghi:

“6. Tổng kinh phí: 57.808.176.000 đồng

6.1. Ngân sách trung ương: 21.122.753.000 đồng (*Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng chương trình 30a và chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2016-2020*).”

- Nay điều chỉnh là:

“6. Tổng kinh phí: 58.286.136.000 đồng

6.1. Ngân sách trung ương: 21.600.713.000 đồng (*Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng chương trình 30a và chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2016-2020*).”

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài Chính; Giám đốc kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thú y;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, *Mạnh KT*, 18 bản.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng

Phụ lục 06a:

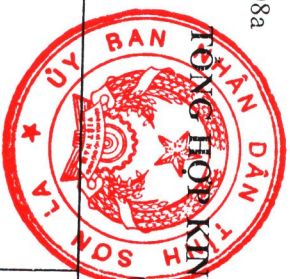


SỐ LƯỢNG GIA SỨC VÀ VẮC XIN TIÊM PHÒNG
THEO CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG BỆNH LMLM NĂM 2019

Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1466~~ /QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Huyện	Tổng dân (con)	Diện tích (con)	Vắc xin LMLM (tiểu)		Tổng vắc xin cả năm
				Type O, A	Type O	
1	Mai Sơn	34.306	31.900	31.900	31.900	63.800
2	Yên Châu	30.747	24.510	49.020		49.020
3	Mộc Châu	59.208	50.233	100.466		100.466
4	Vân Hồ	42.724	42.300	84.600		84.600
5	Sông Mã	56.540	52.750	80.500	25.000	105.500
	Tổng cộng	223.525	201.693	346.486	56.900	403.386





TỔNG HỢP KINH PHÍ TRIỂN KHAI TIÊM PHÒNG, PHUN KHỬ TRỪNG TIÊU ĐỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH - NĂM 2019

Ban hành kèm theo Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TRONG ĐÓ CHI TIẾT KINH PHÍ TRIỂN KHAI (Đơn vị tính: 1.000đ)																
STT	Nội dung chương trình	TỔNG CỘNG			KINH PHÍ MUA VẮC XIN, HÓA CHẤT			Tiền công tiêm phòng, phun khử trùng tiêu độc			Các chi phí triển khai				Chi phí lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng và giám sát lưu hành mầm bệnh, CD bệnh	
		Cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tiền mua hóa chất (NS tỉnh)	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Mua vắc xin	Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Chi khác (chi phí bảo quản, vận chuyển, chi phí triển khai...)		Chi phí TDG, lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ đầu thầu
1	Chương trình Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ	15.345.827	11.489.790	3.856.037	11.489.790	11.489.790		3.422.838	3.422.838		296.559	235.927	60.632	136.640		
2	Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh L.M.T.M giai đoạn 2016-2020	12.414.211	10.110.923	2.303.288	10.110.923	10.110.923		1.855.576	1.855.576		311.072	259.603	51.469	136.640		
3	Chương trình phun khử trùng tiêu độc, tiêm phòng đại chó và tiêm phòng cho gia súc theo Nghị quyết 89/2014/Q-UBND và Nghị quyết 56/2017/Q-UBND	30.526.098	-	30.526.098	19.115.013	-	12.722.608	6.392.405	10.097.910	10.097.910	-	1.086.039	989.469	96.570	227.136	
3.1	Tiêm phòng cho gia súc tại các xã vùng cao nằm ngoài địa bàn thực hiện Nghị quyết 30a/2008	3.715.600		3.715.600	2.032.542		2.032.542		1.489.618	1.489.618		193.440	181.780	11.660		
3.2	Tiêm phòng cho gia súc, gia cầm	14.143.861		14.143.861	8.959.013		8.959.013		4.276.114	4.276.114		681.598	633.434	48.164	227.136	
3.3	Tiêm phòng Đại chó	2.403.882		2.403.882	1.731.053		1.731.053		642.478	642.478		30.351	16.155	14.196		
3.4	Phun khử trùng tiêu độc	10.262.755		10.262.755	6.392.405			6.392.405	3.689.700	3.689.700		180.650	158.100	22.550		
	TỔNG CỘNG	58.286.136	21.600.713	36.685.423	40.715.726	21.600.713	12.722.608	6.392.405	15.376.324	15.376.324	-	1.693.670	1.484.999	208.671	500.416	

